

PGS.TS. PHẠM ĐỨC MẠNH - PGS.TS. NGUYỄN GIANG HẢI  
ThS. NGUYỄN HỒNG ÂN

930.109 597 75

ĐC

H 106 G

# HÀNG GÒN

## KỶ QUAN CỤ THẠCH VIỆT NAM



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

Đông Nai, 24/8/2016.

Kính tặng Thư họa tiê.  
tái giá.



---

Nguyễn Hồng An

*HÀNG GÒN*  
*- KỶ QUAN CỤ THẠCH VIỆT NAM*

**Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia Việt Nam**

Hàng Gòn - Kỳ quan Cự thạch Việt Nam / Phạm Đức Mạnh,  
Nguyễn Giang Hải, Nguyễn Hồng Ân. - H. : Khoa học xã hội,  
2015. - 508tr. : minh hoạ ; 24cm

ĐTTS ghi: Trường ĐHKHXH&NV-ĐHQG-HCM; Viện Khảo  
cổ học

1. Khảo cổ học 2. Di tích cự thạch 3. Mộ cổ 4. Hàng Gòn  
5. Long Khánh 6. Đồng Nai

930.10959775 - dc23

KXF0064p-CIP

930.10959775 - dc23

930.10917775  
11106 G  
PGS.TS. PHẠM ĐỨC MẠNH - PGS.TS. NGUYỄN GIANG HẢI  
ThS. NGUYỄN HỒNG ÂN

# HÀNG GÒN - KỶ QUAN CỤ THẠCH VIỆT NAM

THƯ VIỆN  
TỈNH ĐỒNG NAI

2018/BC/VL 00001520

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI  
HÀ NỘI - 2015

147298

~~2016/TC/VL 004738~~



**DANH SÁCH THAM GIA KHAI QUẬT  
VÀ NGHIÊN CỨU CHÍNH QUẢN THỂ KIẾN TRÚC  
MỘ CỤ THẠCH HÀNG GÒN (ĐỒNG NAI)**



1. **Đỗ Bá Nghiệp** (*Bảo tàng tỉnh Đồng Nai*)
2. **Đỗ Đăng Thắng** (*Ban Quản lý Di tích và Danh thắng Đồng Nai*)
3. **Đỗ Ngọc Chiến** (*Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh*)
4. **Edmond Saurin** (*Service Géologique de l'Indochine*)
5. **Eiji Nitta** (GS. TS., *University of Kagoshima, Japan*)
6. **Jean Bouchot** (*École française d'Extrême-Orient*)
7. **Henri Parmentier** (*École française d'Extrême-Orient*)
8. **Khúc Ngọc Hải** (*Ban Quản lý Di tích và Danh thắng Đồng Nai*)
9. **Lê Thanh Thiện** (*Ban Quản lý Di tích và Danh thắng Đồng Nai*)
10. **Lê Trí Dũng** (*Ban Quản lý Di tích và Danh thắng Đồng Nai*)
11. **Louis Malleret** (*École française d'Extrême-Orient*)
12. **Lưu Ánh Tuyết** (ThS., *Bảo tàng tỉnh Đồng Nai*)
13. **Lưu Văn Du** (*Bảo tàng tỉnh Đồng Nai*)
14. **Mariko Yamagata** (TS., *University of Rikkyo, Japan*)
15. **Nguyễn Giang Hải** (PGS. TS., *Viện Khảo cổ học*)
16. **Nguyễn Công Chuyên** (*Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh*)
17. **Nguyễn Hồng Ân** (ThS., *Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đồng Nai*)

18. **Nguyễn Hữu Lộc** (*Bảo tàng tỉnh Đồng Nai*)
19. **Nguyễn Thị Hoài Hương** (ThS., *Viện Nghiên cứu phát triển Thành phố Hồ Chí Minh*)
20. **Nguyễn Thị Tính** (*Ban Quản lý Di tích và Danh thắng tỉnh Đồng Nai*)
21. **Nguyễn Văn Long** (TS., *Viện Phát triển bền vững vùng Nam Bộ*)
22. **Nguyễn Văn Trung** (*Ban Quản lý Di tích và Danh thắng Đồng Nai*)
23. **Nguyễn Vĩnh Huy** (*Bảo tàng tỉnh Đồng Nai*)
24. **Nguyễn Xuân Nam** (*Ban Quản lý Di tích và Danh thắng Đồng Nai*)
25. **Nishimura Masanari** (GS. TS., *University of Kansai, Japan*)
26. **Petter Bellwood** (GS. TS., *University of Canberra, Australia*)
27. **Phạm Đức Mạnh** (PGS. TS., *Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh*)
28. **Phạm Quang Sơn** (TS., *Viện Phát triển bền vững vùng Nam Bộ*)
29. **Phạm Thị Ngọc Thảo** (ThS., *Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh*)
30. **Phạm Văn Minh** (*Ban Quản lý Di tích và Danh thắng Đồng Nai*)
31. **Phan Đình Dũng** (ThS., *Bảo tàng tỉnh Đồng Nai*)
32. **Phan Thị Thịnh** (*Ban Quản lý Di tích và Danh thắng Đồng Nai*)
33. **Trần Anh Thịnh** (*Bảo tàng tỉnh Đồng Nai*)
34. **Trần Hữu Hạnh** (*Bảo tàng tỉnh Đồng Nai*)
35. **Trần Minh Trí** (*Bảo tàng tỉnh Đồng Nai*)

## MỤC LỤC

|                                                                                                             | Trang |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|
| <i>Lời giới thiệu</i>                                                                                       | 15    |
| <b>PHẦN THỨ NHẤT</b>                                                                                        |       |
| <b>ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ NHÂN VĂN<br/>VÙNG ĐẤT ĐỎ BA DẠN Ở ĐỒNG NAI</b>                                     | 19    |
| <b>PHẦN THỨ HAI</b>                                                                                         |       |
| <b>CÁC DI TÍCH VĂN HÓA CỤ THẠCH TRÊN VÙNG<br/>ĐẤT ĐỎ LONG KHÁNH - XUÂN LỘC (ĐỒNG NAI)</b>                   | 27    |
| <b>Chương I</b>                                                                                             |       |
| <b>Di tích cự thạch Hàng Gòn I (7A)</b>                                                                     | 30    |
| A. Phát hiện ban đầu                                                                                        | 30    |
| B. Khai quật                                                                                                | 30    |
| C. Các công bố đầu tiên của Jean Bouchot                                                                    | 31    |
| D. Công trình nghiên cứu của Henri Parmentier và học<br>giả nước ngoài                                      | 35    |
| E. Công cuộc khảo cứu di tích Cự thạch Hàng Gòn I (7A)<br>của giới khảo cổ học Việt Nam giai đoạn 1975-1995 | 41    |
| <b>Chương II</b>                                                                                            |       |
| <b>Di tích cự thạch Hàng Gòn II (7B)</b>                                                                    | 51    |
| A. Phát hiện ban đầu                                                                                        | 51    |
|                                                                                                             | 7     |

## **HÀNG GÒN - KỶ QUAN CỤ THẠCH VIỆT NAM**

---

|                                                                                                                  |    |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| B. Vị trí - cảnh quan hiện tại của khu di tích Cự thạch<br>Hàng Gòn II (7B)                                      | 53 |
| C. Điền dã khảo cổ học ở di tích Cự thạch Hàng Gòn II<br>(7B)                                                    | 57 |
| C1. Khai quật khảo cổ học                                                                                        | 57 |
| 1. Các phương pháp nghiên cứu hiện trường                                                                        | 57 |
| 2. Bình diện khảo cổ học                                                                                         | 58 |
| 3. Địa tầng khảo cổ học                                                                                          | 60 |
| C2. Thăm sát khảo cổ học                                                                                         | 61 |
| <b>Chương III</b>                                                                                                |    |
| <b>Điền dã (thăm sát - khai quật) và nghiên cứu hiện trường<br/>Hàng Gòn và vùng phụ cận giai đoạn 2006-2011</b> | 63 |
| A. Đợt điền dã 2006-2007 phục vụ chương trình tôn<br>tạo, trùng tu, bảo tồn Hàng Gòn theo Luật Di sản<br>văn hóa | 63 |
| B. Đợt điền dã 2010-2011 nghiên cứu trầm tích Hàng<br>Gòn và vùng ba dân trẻ phụ cận                             | 85 |
| <b>Chương IV</b>                                                                                                 |    |
| <b>Hiện vật khảo cổ học</b>                                                                                      | 88 |
| A. Di tích Cự thạch                                                                                              | 88 |
| 1. Cụm A                                                                                                         | 88 |
| 2. Cụm B                                                                                                         | 88 |
| 3. Cụm C                                                                                                         | 88 |
| B. Di vật khảo cổ học khác                                                                                       | 91 |
| 1. Đồ đồng                                                                                                       | 91 |

|                                                                                                                              |     |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| 2. Đồ gốm                                                                                                                    | 94  |
| 3. Đồ đá                                                                                                                     | 104 |
| <b>Chương V</b>                                                                                                              |     |
| <b>Kết quả giám định thổ nhưỡng mẫu vật tại Hàng Gòn và vùng phụ cận 1996-2011</b>                                           | 124 |
| A. Phân tích bào tử phấn hoa ở Hàng Gòn và vùng phụ cận                                                                      | 124 |
| B. Phân tích thạch học dưới kính hiển vi phân cực                                                                            | 145 |
| C. Phân tích thành phần chất liệu gốm bằng phương pháp hóa học - quang phổ định lượng                                        | 152 |
| D. Phân tích thành phần hợp kim đồng bằng phương pháp quang phổ định lượng                                                   | 154 |
| E. Phân tích niên đại tuyệt đối bằng phương pháp $^{14}\text{C}$                                                             | 155 |
| <br><b>PHẦN THỨ BA</b>                                                                                                       |     |
| <b>QUẦN THỂ DI TÍCH CỤ THẠCH HÀNG GÒN TRONG BÌNH DIỆN VĂN MINH KIM KHÍ ĐỒNG NAI VÀ VĂN HÓA CỤ THẠCH CHÂU LỤC</b>             | 159 |
| <b>Chương I</b>                                                                                                              |     |
| <b>Quần thể di tích cự thạch Hàng Gòn - một trung tâm văn hóa tinh thần Đồng Nai thời kỳ "tiền nhà nước"</b>                 | 161 |
| <b>Chương II</b>                                                                                                             |     |
| <b>Quần thể di tích kiến trúc đá lớn Hàng Gòn (Đồng Nai - Việt Nam) trong bình diện văn hóa cự thạch khu vực và châu lục</b> | 179 |

## **HÀNG GÒN - KỶ QUAN CỤ THẠCH VIỆT NAM**

---

|                                                                                                                                     |            |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| <b>A. Các trung tâm văn hóa Cự thạch miền Đông Bắc</b>                                                                              | <b>186</b> |
| 1. Bán đảo Triều Tiên                                                                                                               | 186        |
| 2. Quần đảo Nhật Bản                                                                                                                | 192        |
| 3. Lục địa Trung Quốc và Đài Loan                                                                                                   | 202        |
| <b>B. Các trung tâm văn hóa Cự thạch miền Tây Nam Á</b>                                                                             | <b>207</b> |
| 1. Sự phân bố chung                                                                                                                 | 208        |
| 2. Loại hình di tích Cự thạch cơ bản                                                                                                | 210        |
| 3. Phổ hệ niên đại chung và đôi nét phác dựng xã hội Cự thạch cổ Ấn Độ                                                              | 213        |
| <b>C. Các trung tâm văn hóa Cự thạch miền Đông Nam Á</b>                                                                            | <b>219</b> |
| 1. Quần đảo Indonesia                                                                                                               | 220        |
| 2. Bán đảo và địa đảo thuộc Mã Lai                                                                                                  | 236        |
| 3. Miền Tây Thái Lan                                                                                                                | 242        |
| 4. Vùng cao nguyên Thượng Lào                                                                                                       | 243        |
| 5. Đôi điều phụ chú về văn hóa Cự thạch châu Á và về các vết tích liên quan đến truyền thống tạo dựng Đá lớn trên lãnh thổ Việt Nam | 254        |
| <b>THAY CHO KẾT LUẬN</b>                                                                                                            | <b>289</b> |
| <b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>                                                                                                           | <b>319</b> |
| <b>PHỤ LỤC</b>                                                                                                                      | <b>347</b> |
| Phụ lục 1. Chú dẫn bảng thống kê                                                                                                    | 349        |
| Phụ lục 2. Chú dẫn bản đồ sơ đồ - hình ảnh                                                                                          | 351        |
| <b>SUMMARY</b>                                                                                                                      | <b>357</b> |

## CONTENTS

|                                                                                                             | Page |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| <i>INTRODUCTION</i>                                                                                         | 15   |
| <i>PART ONE</i>                                                                                             |      |
| <b>GEOGRAPHICAL AND HUAMANITIES CONTEXT<br/>OF THE BASALTIC RED SOIL REGION<br/>AT DONG NAI PROVINCE</b>    | 19   |
| <i>PART TWO</i>                                                                                             |      |
| <b>MEGALITHIC SITES IN THE RED SOIL REGION OF<br/>LONG KHANH - XUAN LOC, DONG NAI</b>                       | 27   |
| <b>Chapter I</b>                                                                                            |      |
| <b>The megalithic site Hang Gon I (7A)</b>                                                                  | 30   |
| A. Prospection                                                                                              | 30   |
| B. Excavations                                                                                              | 30   |
| C. Jean Bouchot's First Publication                                                                         | 31   |
| D. Studies by Henri Parmentier and Foreign Scholars                                                         | 35   |
| E. Researches and Studies on the Megalithic Site Hang<br>Gon I (7A) by Vietnamese Archaeologists, 1975-1995 | 41   |
| <b>Chapter II</b>                                                                                           |      |
| <b>The megalithic site Hang Gon II (7B)</b>                                                                 | 51   |
| A. Prospection                                                                                              | 51   |
|                                                                                                             | 11   |

|                                                                                                                                                |    |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| B. Actual Situation and Landscape of the Megalithic Site Complex Hang Gon II (7B)                                                              | 53 |
| C. Archaeological Fieldworks at the Megalithic Site Hang Gon II (7B)                                                                           | 57 |
| C1. Excavations                                                                                                                                | 57 |
| 1. Methods of Field Studies                                                                                                                    | 57 |
| 2. The Archaeological Plane                                                                                                                    | 58 |
| 3. The Archaeological Stratigraphy                                                                                                             | 60 |
| C2. Archaeological Test Diggings                                                                                                               | 61 |
| <b>Chapter III</b>                                                                                                                             |    |
| <b>The archaeological fieldworks (reconnaissance and excavations) and studies at Hang Gon and neighbouring regions (2006-2011)</b>             | 63 |
| A. The Archaeological Fieldwork (2006-2007) for Embellishment, Reconstruct and Preserved Plans of Hang Gon Megaliths according to Heritage Law | 63 |
| B. The Archaeological Fieldwork (2010-2011) for Stratigraphy Studying of Hang Gon and neighbouring Basaltic Regions                            | 85 |
| <b>Chapter IV</b>                                                                                                                              |    |
| <b>Archaeological artifacts</b>                                                                                                                | 88 |
| A. Megalithic Vestiges                                                                                                                         | 88 |
| 1. Group A                                                                                                                                     | 88 |
| 2. Groupe B                                                                                                                                    | 88 |
| 3. Groupe C                                                                                                                                    | 88 |
| B. Other Archaeological Findings                                                                                                               | 91 |
| 1. Bronze Artifacts                                                                                                                            | 91 |

|                                                                                                                                     |     |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| 2. Ceramic Artifacts                                                                                                                | 94  |
| 3. Stone Artifacts                                                                                                                  | 104 |
| <b>Chapter V</b>                                                                                                                    |     |
| <b>Results of pedology and sample analyses of Hang Gon site and neighbouring regions, 1996-2011</b>                                 | 124 |
| A. Analysis of Spores and Pollens from Hang Gon Site and Neighbouring Regions                                                       | 124 |
| B. Lithological Analysis by Polarizing Microscope                                                                                   | 145 |
| C. Analysis of Ceramic Paste Elements by Quantitative Spectro-Chemical Method                                                       | 152 |
| D. Analysis of Bronze Alloy Elements by Quantitative Spectrological Method                                                          | 154 |
| E. Dating by Radio-Carbon $^{14}\text{C}$ Analysis                                                                                  | 155 |
| <br><b>PART THREE</b>                                                                                                               |     |
| <b>THE HANG GON MEGALITHIC COMPLEX ON CONTEXT OF ĐÔNG NAI METAL CIVILIZATION AND OF CONTINENTAL MEGALITHIC CULTURES</b>             | 159 |
| <b>Chapter I</b>                                                                                                                    |     |
| <b>The Hang Gon I-II (Hang Gon A-B) megalithic site complex, a spiritual culture center of Dong Nai in the "pre-state" period</b>   | 161 |
| <br><b>Chapter II</b>                                                                                                               |     |
| <b>The Hang Gon (Dong Nai - Viet Nam) megalithic architectural complex on the regional and continental megalithic culture plane</b> | 179 |
|                                                                                                                                     | 13  |

## **HÀNG GÒN - KỶ QUAN CỤ THẠCH VIỆT NAM**

---

|                                                                                                                                |            |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| <b>A. Megalithic Culture Centers in North-East Asia</b>                                                                        | <b>186</b> |
| 1. The Korean Peninsula                                                                                                        | 186        |
| 2. The Japanese Archipelago                                                                                                    | 192        |
| 3. Continental China and Taiwan                                                                                                | 202        |
| <b>B. Megalithic Culture Centers in South-West Asia</b>                                                                        | <b>207</b> |
| 1. General Distribution                                                                                                        | 208        |
| 2. Basic Types of Megalithic Sites                                                                                             | 210        |
| 3. Common Chronological Genealogy and A Sketch<br>of Ancient Indian Megalithic Society                                         | 213        |
| <b>C. Megalithic Culture Centers in South-East Asia</b>                                                                        | <b>219</b> |
| 1. The Indonesian Archipelago                                                                                                  | 220        |
| 2. The Malaysian Peninsula                                                                                                     | 236        |
| 3. The Western Thailand                                                                                                        | 242        |
| 4. The Upper Lao Highlands                                                                                                     | 243        |
| 5. Some Remarks on Asian Megalithic Culture and<br>on Vestiges relating to the Megalithic Tradition<br>in Vietnamese Territory | 254        |
| <b>FOR A CONCLUSION</b>                                                                                                        | <b>289</b> |
| <b>REFERENCES</b>                                                                                                              | <b>319</b> |
| <b>APPENDIX</b>                                                                                                                | <b>347</b> |
| 1. Notes on Inventory Tables                                                                                                   | 349        |
| 2. Notes on Charts, Drawings, Photos                                                                                           | 351        |
| <b>SUMMARY</b>                                                                                                                 | <b>357</b> |

## LỜI GIỚI THIỆU

Đồng Nai - vùng đất trù phú mệnh danh dòng chảy huyết mạch của cả "*Miền Đông Nam Bộ gian lao mà anh dũng*" - từng chứng kiến sự hình thành, nảy nở, dao động của cả một cộng đồng người cổ quần tụ đông đảo, vùng đất từng chứa đựng trong lòng nó cả một phức thể di tích - di vật khảo cổ học quan trọng và xuyên suốt từ buổi đầu của thời đại Đồng sang sơ kỳ thời đại Sắt. Tất cả những gì chúng ta mục kích hôm nay trên bản đồ khảo cổ học cổ xưa của miền đất này cho thấy, những thế hệ tiền nhân đã khởi đầu quả cảm và sáng tạo, bằng lao động khai phá và chiếm lĩnh, thích ứng với tự nhiên và xây đắp nên một trung tâm văn hóa Kim khí rực rỡ "*vang bóng một thời*" - một nền văn minh đặc sắc mà ngày nay chúng ta quen gọi là **Văn minh Sông Đồng Nai**.

Bằng những cố gắng diễn dã và nghiên cứu của các nhà khảo cổ học và bảo tàng học từ nhiều thập kỷ nay, nhiều di sản mang những tên làng tên đất tên sông tên suối ở Đồng Nai như Phước Tân, Bình Đa, Gò Me, Cái Vạn, Cái Lăng, Rạch Lá, Suối Linh, Núi Gồm, Dầu Giây, Phú Hòa, Bến Gỗ đã trở nên quen thuộc. Từ những nơi đó, ngôn ngữ khảo cổ học và bảo tàng học đã mang từ nghìn xưa về cho hôm nay một vóc dáng cụ thể và hài hòa của đất nước - con người Đồng Nai thời Tiền sử và Sơ sử, với những biểu tượng văn hóa bản địa "không tiền khoáng hậu" như những làng làm nông và chài lưới, những công xưởng chế tạo đồ trang sức (Đồi Phòng Không) và đàn đá Tiền sử (Lithophone préhistorique), những kho tàng chứa vũ khí đồng thau kiểu "Qua đồng" và hình tượng con "Trút" đồng (Manis Javanica) (Long Giao), những

## HÀNG GÒN - KỶ QUAN CỤ THẠCH VIỆT NAM

---

"Cánh đồng chum gốm" mang hình hài những nghĩa trang cộng đồng dày đặc thời Sơ Sắt và đặc biệt, cả quần thể kiến trúc Đá lớn độc đáo đã được phát hiện chính trong vùng từng là trung tâm sinh tụ và tinh thần Đồng Nai thời Sơ Sắt - *Mộ Cự Thạch Hàng Gòn, di tích lịch sử Văn hóa quốc gia Việt Nam* ngày nay.

Mộ Cự thạch Hàng Gòn được khám phá và khai quật đầu tiên bởi một kỹ sư cầu đường người Pháp là Jean Bouchot từ hơn 8 thập kỷ trước, từng được ghi nhận trong *Danh mục những công trình lịch sử của xứ Nam Kỳ xưa (Liste des monuments historiques de l'ancienne Cochinchine)* (1930) và thu hút sự quan tâm đặc biệt của nhiều học giả nổi tiếng trên thế giới (Henri Parmentier, G. Coedès, Van Stein Callenfels, Jean-Yves Claeys, Paul Lévy, O. Jansé, Louis Bezacier, E. Garpardone, H. H. E. Loofs, Edmond Saurin, Louis Malleret, Henri Fontaine, Peter Bellwood, Eiji Nitta...). Người ta đã cho rằng đây là loại hình kiến trúc Đá lớn kiểu hàm mộ ghép phiến và các hàng trụ đá và liên hệ Mộ Hàng Gòn với các di sản Cự thạch khắp châu lục (bán đảo Deckker Transjordanie, Assam, Bắc Miến Điện, đảo Java, Bắc Trung Hoa, Ấn Độ và Tissamaharama (Sri Lanca) và cả châu Úc... Nhưng nhiều nhận thức lớn, đặc biệt về vị thế, niên đại và chủ nhân đích thực của cả quần thể Cự thạch này vẫn còn là những "Câu đố Lịch sử" đầy bí ẩn.

Gần 7 thập kỷ sau khám phá Mộ Cự thạch Hàng Gòn, từ cuối năm 1995, công nhân lái xe ủi Xí nghiệp Đá lại đụng phải các tấm đan hoa cương nằm gần hàm mộ xưa và di tích khẩn cấp được các nhà khảo cổ và bảo tàng khai quật, khám phá thêm nhiều dữ liệu quý báu bằng đá, gốm, đồng và tập hợp mẫu than tro giám định bằng phương pháp phân tích  $^{14}\text{C}$  để định tuổi tuyệt đối cho di tích 2.670 đến  $2.220 \pm 40$  BP. Các nhà khai quật tin rằng di tồn Cự thạch vừa khám phá liên kết chặt chẽ với quần thể kiến trúc Mộ Cự thạch đã biết và đó chính là nơi tập kết nguyên liệu và là dạng "Công xưởng chế tác Đá lớn" (Megalithic workshop-site) lần đầu tiên được biết ở Việt Nam và Đông Nam Á.

Từ những năm 2006-2010, để cung cấp cơ sở khoa học cho việc lập dự án trùng tu, tôn tạo, bảo tồn *Di tích Lịch sử - Văn hóa Quốc gia Cự thạch Hàng Gòn I - II* theo đúng yêu cầu của Luật Di sản văn hóa, xây dựng hồ sơ đề nghị xếp hạng Di sản văn hóa thế giới, Ban Quản lý Di tích và Danh lam Thắng cảnh và Bảo tàng tỉnh Đồng Nai phối hợp với các nhà khoa học đã tiến hành điều tra thám sát và khai quật hàng nghìn mét vuông trong cả khu vực rộng khoảng 4-5ha xung quanh di tích Mộ Cự thạch Hàng Gòn và thu thêm nhiều di vật đá (2 búa và 71 mảnh vỡ), gốm (7.155 mảnh), đồng thau (2 tù và); đặc biệt thu thập thêm các hệ thống mẫu than định tuổi  $^{14}\text{C}$  cho cả trầm tích đất đỏ xung quanh nó có khung niên đại rất rộng: từ  $26.600 \pm 300$  đến  $1.570 \pm 55$  BP; 35 mẫu đá phân tích thạch học, 3 mẫu đồng và 22 mẫu gốm phân tích hóa - quang phổ và cả các hệ thống 18 mẫu thổ nhưỡng để giám định bảo tử phần hoa vùng địa hình ba dan trẻ chứa di tích Cự thạch và các di sản văn hóa hữu quan. Đây là những dữ liệu quý báu hữu ích cho công cuộc tìm kiếm sự bí ẩn của cả quần thể di tích Cự thạch này.

Cuốn sách **Hàng Gòn - Kỳ quan Cự thạch Việt Nam** được xuất bản nhằm giới thiệu đầy đủ thông tin quan trọng nhất và các kết quả nghiên cứu mới nhất về di sản quý báu này đến nhân dân trong nước và bạn bè quốc tế. Cuốn sách được bố cục thành ba phần:

Phần I, các tác giả giới thiệu đôi nét về điều kiện tự nhiên và nhân văn tiểu vùng đất đỏ ba dan phong hóa Đồng Nai đặt trong khung cảnh chung của môi trường sinh thái toàn miền Đông Nam Bộ, với các hệ thống dẫn liệu khảo cổ liên quan đến hoạt động cư trú và sáng tạo văn hóa của các tập thể người cổ từ buổi đầu Đá cũ đến những làng cổ làm nông, săn bắn, hái lượm lâm thủy sản và hoạt động thủ công, những nghĩa địa mai táng người chết trong mộ đất, mộ chum vò gốm, các kho tàng chôn đồ đồng trong huyệt núi lửa thời Kim khí - những cứ liệu "Sử đất" liên hệ đến nền cảnh văn hóa - kỹ thuật của chính quần thể kiến trúc Cự thạch thời sơ Sắt.

Phần II là nội dung chính yếu của công trình, giới thiệu chi tiết về lịch sử khám phá, khai quật và nghiên cứu quần thể kiến trúc Cự thạch

~~2016/TC/VL 01.4738~~<sup>17</sup>

2018/BC/VL 00001520

Hàng Gòn qua các giai đoạn từ năm 1927 đến năm 2015, đặc biệt trình bày về các di tích liên quan trực tiếp đến hầm mộ Đá lớn Hàng Gòn I (7A) và Công xưởng Cự thạch Hàng Gòn II (7B), với các kết quả giám định thạch học, thành phần chất liệu đá, gốm, đồng thau và hệ thống niên đại  $^{14}\text{C}$ , với nhiều minh họa, thống kê chi tiết và hệ thống về các hiện tượng ghi nhận chính trong hiện trường khảo cổ.

Ở Phần III và Kết luận, các tác giả nêu lên những nhận định bước đầu về đặc trưng văn hóa, về vị trí lịch sử của cả quần thể Cự thạch Hàng Gòn đặt trong mối quan hệ chặt chẽ với các di tích thời đại Kim khí ở "miệt cao" Nam Bộ nói riêng và trong bình diện văn hóa Cự thạch hiện biết ở khu vực và châu lục. Các tác giả cố gắng phác họa bức tranh văn hóa xã hội đặc sắc của cả miền Đông Nam Bộ mà trong đó, quần thể kiến trúc Cự thạch Hàng Gòn được nhận thức như "Một Trung tâm tinh thần Đồng Nai" thời kỳ "Tiền Nhà nước" và cũng là công trình "có một không hai" khi đối sánh với các truyền thống tạo dựng Đá lớn ở Việt Nam và châu Á trong thời đại Kim khí.

Hy vọng cuốn sách này đến với bạn đọc gần xa như một nguồn cứ liệu khoa học - văn hóa với những thông tin bổ ích, những tư liệu lý thú và thiết thực, có thể làm tài liệu tham khảo cho giới nghiên cứu, làm tài liệu học tập cho học sinh, sinh viên, giúp cho các thế hệ trẻ thêm hiểu biết về quê hương rặng ngòi "Hào khí Đồng Nai", về truyền thống lao động sáng tạo và thông minh của ông cha "Trên mảnh đất này".

Hiển nhiên, cuốn sách khó tránh được các hạn chế, sơ suất, một số ý kiến, luận điểm khoa học cũng như phương pháp thông tin vẫn còn cần tiếp tục thảo luận, chúng tôi rất mong nhận được các ý kiến quý báu và chân thành của bạn đọc để kịp thời rút kinh nghiệm, tiếp tục phân tích sâu sắc hơn và bổ sung hoàn chỉnh hơn.

Thành phố Hồ Chí Minh, 2015

**TẬP THỂ TÁC GIẢ**

**PHẦN THỨ NHẤT**  
**ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ NHÂN VĂN**  
**VÙNG ĐẤT ĐỎ BA DÂN**  
**Ở ĐỒNG NAI**



**Đ**ồng Nai là tỉnh trung tâm miền Đông Nam Bộ, phía bắc giáp Lâm Đồng và Bình Phước, phía nam giáp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, phía đông giáp Bình Thuận, phía tây giáp tỉnh Bình Dương và Thành phố Hồ Chí Minh, có diện tích 5.866km<sup>2</sup>, dân số 1.989.541 người (1/4/1999) gồm chủ yếu là người Kinh (92%) và hơn 40 dân tộc anh em cùng sinh sống (Hoa, Tày, Nùng, Chơ-ro...).

Với nền địa hình nghiêng thoải theo hướng tây bắc - đông nam có đồi núi nhấp nhô (cao nhất là núi Chúa Chan 858m) xen kẽ các lũng bằng đất đỏ ba dan phía bắc, đất phù sa cổ chính giữa và đất phù sa mới phía tây nam, toàn tỉnh nằm trong lưu vực sông Đồng Nai và các chi lưu lớn (sông Là Ngà, Mã Đà, sông Buông), có nhiều danh thắng "son thủy hữu tình" nổi tiếng từ Định Quán, Cát Tiên đến Trị An, Bửu Long... Trong các bản đồ phân vùng địa mạo và cổ địa lý chung cho cả miền Đông Nam Bộ, tiểu vùng đất đỏ Xuân Lộc - Long Khánh - Cẩm Mỹ (Đồng Nai) nằm trọn trong vùng cao nguyên đồi núi và đồng bằng bóc mòn cao, phân bố ở cực nam phụ miền cao nguyên bình sơn Lâm Viên (cao độ 800-1000m), với lớp vỏ phong hóa 10-30m và lớp thổ nhưỡng đỏ, vàng nâu, tím đỏ nối tiếp bề mặt đồng bằng bóc mòn lượn sóng, có mạng lưới thủy văn dạng tỏa tia, có tiềm năng về rừng, chứa các nguồn liệu đá phun trào, cát kết, phiến sừng, đá quý (saphir) và bán quý (opal, calcédoan) và các nguồn sét núi mà con người có thể khai thác để chế tạo công cụ, vũ khí và đồ gốm trong quá khứ. Ngoài các bề mặt địa hình núi lửa, ở đây còn ghi nhận các bề mặt bóc mòn san bằng từ các cao độ 300-250m đến 50-40m cắt vào ba dan Xuân Lộc tuổi QII; các bậc thềm sông cổ từ bậc III (70-50m) ở phía nam Xuân Lộc tuổi QI và bậc II (35-25m) tuổi QII-III, đến bậc I (15-10m) dọc đôi bờ sông suối hiện tại [64-1996]. Với nền khí hậu khá ổn định, có chế độ phân hóa 2 mùa (mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4; mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11, chiếm 140-160 ngày với 90% tổng lượng mưa), giàu nhiệt lượng (tổng nhiệt độ toàn năm 9.500-10.000°C) và ẩm độ, không có

bão tố và sương muối, các thảm rừng nhiệt đới - á nhiệt đới hiện còn bảo tồn thế giới động - thực vật giàu lượng loại - đa sinh cảnh (chim, thú, cá tôm, nhuyễn thể...). Nền cảnh môi trường sinh thái vùng đất đỏ ba dan phong hóa Long Khánh - Xuân Lộc - Cẩm Mỹ và cả Đồng Nai nói chung chính là nơi "Đất lành chim đậu" có những điều kiện thiết yếu và thuận hợp cho cuộc sống định cư, phát triển kinh tế, sang tạo văn hóa, hội tụ văn minh của các cộng đồng người ở mọi thời kỳ lịch sử.

Trong quá khứ gần, đây là miền đất "toàn là những đám rừng hoang vu đầy cỏ rậm, mỗi đám rừng có chỗ rộng hơn nghìn dặm" [102-1776], là vùng cư trú lâu đời của các sắc dân "sơn cước" (montagnards) Ch'rau và K'Ho thuộc nhóm ngôn ngữ Nam Á (*loại hình Bahnar* [102-1972b]; *loại hình Mạ* [19-1964]).

Khi Lễ thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh vâng mệnh Chúa Nguyễn mở đất xứ Biên Hòa hướng về Nam năm 1698 "lấy đất Nông Nại đặt làm Phủ Gia Định, lập xứ Đồng Nai làm huyện Phước Long, dựng Dinh Trấn Biên" [220-1820], vùng Long Khánh - Xuân Lộc - Cẩm Mỹ thuộc tổng Tân Chánh (Phước Long) còn là vùng hiểm địa "gò đồi trùng điệp, rừng rú liên đặng, cây cao lớn chọc trời, rậm rạp vài trăm dặm" (*Đại Nam nhất thống chí*), nằm bên vùng bình địa "Lộc Động" Biên Hòa - Đồng Nai (Plaine des Cerfs) [114-1963].

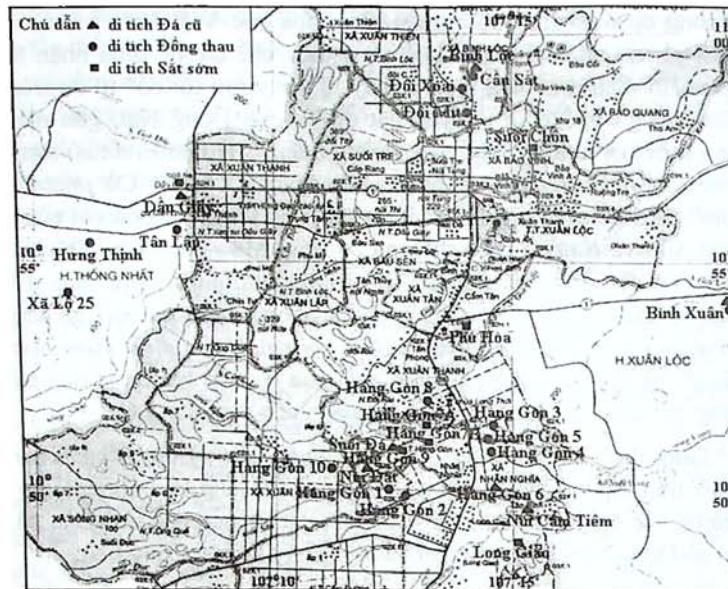
Trong quá khứ nguyên thủy, chính trên các bậc thềm cao nguyên dung nham đất đỏ phong hóa, các bề mặt phù sa cổ và bãi bồi thung lũng dọc theo nhiều dòng chảy đã tích tụ nhiều vết tích liên quan đến hoạt động của người xưa. Đó là các sưu tập công cụ ba dan (riêu tay, riêu hình hạnh nhân, công cụ hình riêu, công cụ chặt thô, mũi nhọn, nạo, hạch đá, hòn ném, vuốt thú hóa thạch...) do các nhà địa chất - khảo cổ học khám phá ở Hàng Gòn 6 và ở Dầu Giây 2 [187-1973], ở Núi Đất, Suối Đá (Gia Liêu), Cẩm Tiêm, Bình Lộc, Bình Xuân [162-1979a, 2007c]... Dù chưa ghi nhận "tại chỗ" (in situ) trong địa tầng khảo cổ học và chưa thấy kèm theo các di tồn cổ nhân - cổ sinh tương ứng, nhiều tiêu bản Xuân Lộc, đặc biệt riêu tay

và công cụ hình rìu được nhiều nhà khoa học Việt Nam và nước ngoài phân tích loại hình và phương thức chế tác để thừa nhận là sản phẩm đích thực của những "bầy người vượn tối cổ" tụ cư trên miền đồi gò bán bình nguyên đất đỏ ba dan Đồng Nai, gần như đồng thời với những "bầy người đứng thẳng" (*Homo Erectus*) từng được các nhà nhân chủng học mệnh danh là "Mông Cổ phương Nam" (*Mongoloide méridionale*) cư trú trong hang động đá vôi vùng Lạng Sơn và ở miền châu thổ ngã ba sông Mã - sông Chu (Thanh Hóa). Từ đây, trang sử mở đầu tiến trình chinh phục Đồng Nai ghi nhận sự thành hình truyền thống chế tác công cụ từ đá cuội ba dan mà những hoạt động đầu tiên của "*xã hội người xác định Xuân Lộc tối cổ*" và truyền thống gia công cuội của họ tiếp tục được duy trì trong các cộng đồng người cổ Đồng Nai nhiều vạn năm sau.

Sang thời đại Kim khí, tiểu vùng Xuân Lộc - Long Khánh trở thành một địa bàn phát sinh và mật tập nhiều làng làm nông, làng-xường, các nghĩa địa, kho tàng có tầm quan trọng bậc nhất của xã hội cổ Đồng Nai trong suốt hai thiên niên kỷ kế cận Công lịch.

Di chỉ Tiền sử được khảo cứu tốt nhất vùng này là Cầu Sắt - một làng cổ tọa lạc trên gò đất đỏ ba dan ven suối Săng Dốc được phát hiện và khai quật trong các năm 1975-1976 và là một trong các di chỉ cư trú có mật độ tàng trữ công cụ sản xuất đá và mảnh gốm dày đặc nhất Việt Nam: với địa tầng dày 75cm trong diện tích đào 320m<sup>2</sup> đã thu được 788 đồ đá (294 rìu - cuốc, 76 đục, 54 dao gặt, 60 mũi nhọn, 269 bàn mài, nhiều hòn ghè, hòn kê, chày nghiền hạt, mảnh vòng tay) và hàng vạn mảnh gốm; xác thực sự hiện diện nền nông nghiệp nương rẫy cổ sơ trong miền đất đỏ phì nhiêu thướt ấy, bên cạnh các nghề thủ công chế tác công cụ - trang sức đá, nghề làm gốm bằng bàn xoay và kinh tế săn bắn hái lượm khai thác sản vật đồi rừng nhiệt đới Đồng Nai xưa. Di chỉ Cầu Sắt, cùng với Suối Linh vùng ngã ba Sông Bé - Đồng Nai, được coi là 2 làng cổ tiêu biểu cho giai đoạn khởi đầu của truyền thống văn hóa - kỹ thuật chế tác đá - gốm thời Kim khí miền Đông Nam Bộ vào thời đoạn giáp ranh 2 thiên niên kỷ III-II trước Công nguyên (BC).

## HÀNG GÒN - KỶ QUAN CỰ THẠCH VIỆT NAM



**H1. Bản đồ khảo cổ học tiền sử - sơ sử Long Khánh và vùng phụ cận (Xuân Lộc - Cẩm Mỹ - Thống Nhất)**  
(nên: Tổng cục Địa chính, Nxb. Bản đồ, Hà Nội, 1999)

Ở thời kỳ lịch sử "sau Cầu Sắt", cư dân Đồng Nai nối tiếp truyền thống lập làng cư trú trên sườn đồi gò đất đỏ màu mỡ và thoáng mát ven các dòng chảy. Có những khu vực quần cư lớn mà quy mô từng "làng cổ" không thua diện tích một làng Việt hiện đại (1-3ha) nằm xung quanh Mộ Cự thạch; Ví như, quần thể 7 di chỉ do E. Saurin phát hiện trong khu Đồn điền cao su Hàng Gòn (quan trọng nhất là di chỉ Hàng Gòn 1 - Núi Gồm phát hiện 4 khuôn đúc đồng có niên đại  $^{14}\text{C}$ :  $3.950 \pm 250 \text{ BP}$ ); quần thể di chỉ thuộc địa phận Xuân Phú - Xuân Trường - Xuân Bình (Bình Xuân, Đồi Mít, Đồi Xoài, Dầu Giây 3, Tân Lập, Lập Thành, Sông Nhạn...) với niên biểu chung khoảng nửa đầu thiên kỷ II BC...

Trong thời đại sơ kỳ đồ Sắt, bên cạnh các làng cư trú làm nông - săn bắn hái lượm cổ truyền, đã xuất hiện các loại hình di tích đặc trưng vùng Long Khánh - Xuân Lộc với các trầm tích văn hóa bản xứ đã đưa ra ánh sáng khoa học nhiều di sản quý báu liên quan đến phát minh kỹ nghệ tiên tiến mang tính thời đại - thuật luyện rèn sắt và ứng dụng thành quả của tiến bộ kỹ thuật này trong thực tiễn sản xuất chiến đấu truyền thống, khởi đầu từ giữa Thiên niên kỷ I BC. Đó là các di chỉ - xưởng đúc đồng rèn sắt - mộ thổ táng truyền thống và các nghĩa trang chuyên dùng quan tài bằng chum vò gốm chôn người chết ở Suối Chồn, Dầu Giây, Phú Hòa ( $^{14}\text{C}$ :  $2.590 \pm 240$ ,  $2.400 \pm 140$  BP), Hàng Gòn 9 ( $^{14}\text{C}$ :  $2.300$ ,  $2.190$ ,  $2.100 \pm 150$  BP) chứa đựng các sưu tập di vật nội địa và ngoại nhập giàu có và phong phú về lượng loại bằng đá (rìu - cuốc, đục, dao gặt, bàn mài, chày nghiền, búa đeo, khuôn đúc sa thạch, vòng tay, khuyên tai 2 đầu thú, hạt chuỗi gia công tinh xảo từ nhiều khoáng chất), thủy tinh (vòng tay, khuyên tai 3 mẫu, hạt chuỗi), gốm và đất nung (đội se sợi, bì, quả cân, đồ đựng), đồng (rìu lưỡi trũng, chậu, vòng, lục lạc, lá đồng), sắt (thuổng, liềm, dao, kiếm, vòng và nhẫn), quý kim (chuỗi vàng, hoa tai đồng mạ vàng), di tồn hữu cơ (xương vụn, than tro, nhựa, da, sò biển)...(HI).

Các "Cánh đồng chum" dày đặc vùng Long Khánh - Xuân Lộc (Suối Chồn, Dầu Giây, Hàng Gòn 9, Phú Hòa) hình thành một cụm di tích mang đầy đủ tính chất văn hóa bản địa hội tụ nhờ giao lưu với nhiều tổ chất văn minh ngoại nhập mà nét nổi bật nhất đến từ Văn minh Sa Huỳnh vùng duyên hải cực nam Trung Bộ và văn minh Ấn Độ cổ từ Tây Phương Thiên Trúc. Cùng với cả cụm di tích độc đáo này, sự có mặt kho tàng Long Giao cũng minh định tiến trình giao lưu và hội nhập văn hóa liên vùng và ghi dấu một "tầm cao" mới của cả miền này thời sơ kỳ đồ Sắt. Với những di sản bản địa được tìm thấy (rìu cuốc đá, gốm thô, thè đeo dạng "bùa", tượng động vật bằng đồng tạo hình con "Trút" (*Manis javanica*) nặng tới 3,4kg..., cùng hàng trăm vũ khí bằng đồng biến cải "tiền

mẫu" văn minh Trung Hoa kiểu "Qua" (Ko - Halberts) nhưng lại mang trên mình hoa văn trang trí theo "Phong cách Đông Sơn" Việt cổ (Phạm Đức Mạnh, 1985). Phát hiện kho tàng Long Giao nằm trong địa bàn quy tụ cụm di tích tiêu biểu nhất văn minh Đồng Nai thời sơ Sắt - những "Cánh đồng chum" quây quần xung quanh mộ Đá lớn Hàng Gòn mà E. Saurin [187-1973] tin chắc về "quan hệ họ hàng giữa chúng" trên những cánh rừng già nhiệt đới xen cắt nhiều sông lạch với tiềm năng lâm sản "cung ứng vô tận cho đời sống săn bắn và lượm hái tiền sử" [53-1972a] và những dải đồi gò đất đỏ ba dan phong hóa "ở một trong những vùng đất phì nhiêu nhất Đông Nam Á" [11-1978] - một vùng đất có nhiều công cụ sản xuất và khí giới sắt, nhiều đồ trang sức lộng lẫy, có mộ đá đồ sộ và mộ chum dày đặc, có tượng đồng hình thú hiếm quý, có vũ khí đồng "kiểu Hoa Hạ" và trống đồng "kiểu Đông Sơn" quyền uy xúng danh một trung tâm sinh tụ và trung tâm tinh thần một thời vang bóng của người cổ Đồng Nai. Và, các sưu tập trống đồng Việt cổ ở Đông Nam Bộ xung quanh mộ Cự thạch Hàng Gòn cũng là những dấu hiệu đầu tiên về sự hình thành và lớn lên của cơ cấu quyền lực tối cao, vượt lên trên đội ngũ thủ lĩnh tiểu vùng có trang bị vũ khí kiểu qua đồng của cộng đồng tộc người bản xứ cũng là những "hiện tượng Đồng Nai" trong lịch sử thăng trầm của văn hóa và văn minh Đông Nam Á.

Những dấu tích hoạt động của người Đồng Nai xưa lược ghi trên chính là hệ thống căn bản dẫn liệu khảo cổ học quan trọng nhất hiện biết trên tiểu vùng đất đỏ ba dan phong hóa Xuân Lộc - Long Khánh trong nền cảnh chung văn hóa Kim khí Đông Nam Bộ. Đó cũng chính là các dẫn liệu quan hệ đến "cơ sở văn hóa kỹ thuật" (*Techno-Cultural basis*) hay "bức phông văn hóa kỹ thuật" (*Techno-Cultural backdrop*) của quần thể công trình kiến trúc Cự thạch đặc sắc và "độc nhất vô nhị" của miền văn hóa này từ Tiền sử.

PHẦN THỨ HAI

**CÁC DI TÍCH VĂN HÓA CỤ THẠCH  
TRÊN VÙNG ĐẤT ĐỎ LONG KHÁNH  
- XUÂN LỘC (ĐỒNG NAI)**



Các di tích Cự thạch đầu tiên trên miền đất đỏ Đông Nam Bộ thoát đầu mang tên *Xuân Lộc* vì khi mới được phát hiện, chúng nằm trong cương vực *Công ty Đồn điền Cao su Xuân Lộc (Société des plantations d'Hévens de Xuân Lộc)*, thuộc địa phận xã Xuân Lộc, tổng Bình Lam Thượng, tỉnh Biên Hòa. Sau đó, khu vực này thuộc ấp Hàng Gòn, xã Thới Giao, quận Xuân Lộc, tỉnh Long Khánh; rồi ngày nay, thuộc địa phận ấp Hàng Gòn, xã Xuân Thanh, huyện Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

## *Chương I*

### **DI TÍCH CỤ THẠCH HÀNG GÒN I (7A)**

#### **A. PHÁT HIỆN BAN ĐẦU**

Đầu năm 1927, trong lúc đang chỉ huy thi công làm đường tuyến từ Xuân Lộc đi Bà Rịa (nay là Liên tỉnh lộ số 2), viên kỹ sư cầu đường người Pháp Jean Bouchot đã được ông Mercier báo cho biết có các tảng đá lớn hình thù rất kỳ lạ dựng ven lộ trình này và dường như chúng được chôn sâu từ lâu đời trong lòng đất đỏ thuộc Đồn điền do ông William Bazé (cha nuôi của vua Bảo Đại) làm Giám đốc. Cột đá lớn đứng thẳng dưới tán cây cổ thụ đã từ lâu được cư dân sở tại coi như "một thạch đài huyền hoặc", họ kính cẩn gọi là "Ông Đá" (Monsieur le Rocher) và dựng một miếu thờ nhỏ nằm bên cạnh "Ông Đá" về phía đông. Vốn là "Thông tín viên" của Trường Viễn Đông Bác Cổ Pháp (EFEO: École française d'Extrême-Orient), Jean Bouchot nhận được ủy nhiệm là "Đại biểu" của tổ chức khoa học này để tiến hành các cuộc khai quật khẩn cấp ở đây cùng với các nhân công vốn là tội hình do chính viên Toàn quyền Pháp ở Nam Kỳ khi đó cung ứng.

#### **B. KHAI QUẬT**

Cuộc khai quật được khởi công từ ngày 14 tháng 4 đến ngày 16 tháng 5 năm 1927. J. Bouchot đã cho đào xung quanh "Ông Đá" một hố rộng gần tròn có lòng lõm giống "lòng chảo" lớn. Ông phát hiện các phiến - cột trụ đá cắm đứng hay hơi xiên chéo, sắp xếp gần như đối xứng với nhau thành hai hàng.

Ở giữa có một phòng đá lớn được gọi là "Phòng mộ" (Tombeau-Chambre), khép kín bởi 6 tấm đá hoa cương. "Phòng đá" hầu như còn nguyên vẹn, ngoại trừ một vết vỡ nhỏ ở góc phòng phía đông bắc do bị tấm phiến trụ granite bên cạnh đổ đè lên. Trước sự chứng kiến của nhiều người dân sở tại, có cả ông chủ Đồn điền W.Bazé và nhiều quan khách từ Sài Gòn đến (ông Blanchard de la Brosse, các nhà báo và nhiếp ảnh gia,...); hầm đá được nạy tấm đan ở đầu đông ra nhưng không có của gì quý ngoài "những đồ gốm hết sức mún đến nỗi chúng rơi nát vụn ngay khi bàn tay cầm tới". Do không tìm thấy gì quý trong hầm mộ đá kiên cố đến kỳ dị này, J. Bouchot dự tính sẽ tiếp tục khai quật lại khi mùa mưa ở Long Khánh ngừng hẳn, với những phương tiện kỹ thuật đào bới và chuyển vận đá tốt hơn. Nhưng mơ ước của ông không thực hiện được.

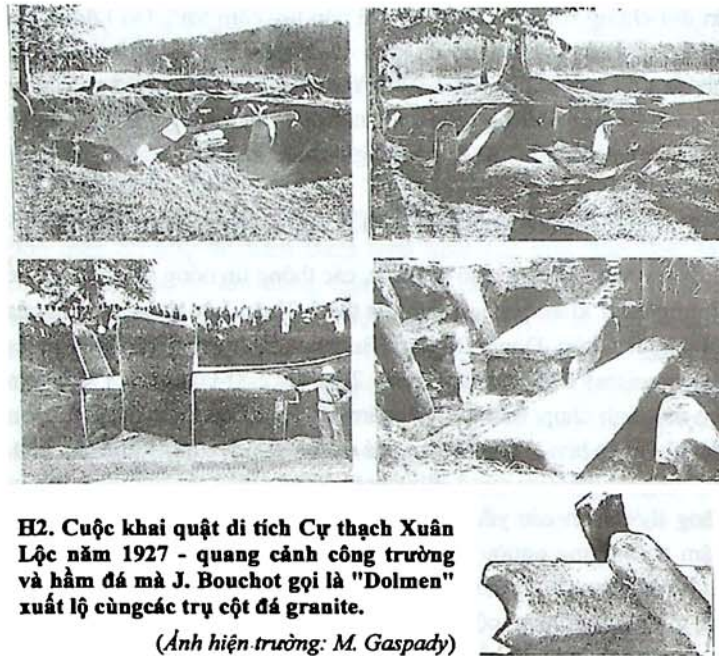
### **C. CÁC CÔNG BỐ ĐẦU TIÊN CỦA JEAN BOUCHOT**

Ngay sau khi cuộc đào kết thúc, các thông tin nóng sốt đầu tiên về "Những cuộc khai quật" di tích Cự thạch Xuân Lộc được tạp chí của Hội Nghiên cứu Đông Dương (Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises) đăng tải liền trong 2 kỳ (N.2-3) của năm 1927 kèm theo một ảnh chụp. Sau đó, vào năm 1929, J. Bouchot công bố thêm "Vài ghi nhận bên lề cuộc khám phá ở Xuân Lộc" cùng 4 bản ảnh nữa. Các công bố đầu tiên của J. Bouchot bỏ qua nhiều chi tiết quan trọng, không thỏa mãn các yêu cầu nghiên cứu khảo cổ học cơ bản nhất. Thậm chí, những người tiếp tục muốn nghiên cứu về sau không thể biết hố đào ban đầu của ông ra sao, sâu và rộng bao nhiêu, quan hệ địa tầng giữa những hàng cột trụ với hầm mộ như thế nào, có bao nhiêu vò gốm tìm thấy trong hầm đá và chúng đựng gì bên trong...

Theo tác giả, có "12 trụ cột xếp thành hàng đôi" theo hướng gần đông - tây, trong đó: hai phiến trụ lớn nhất làm bằng đá granite (dài tới 7,2m, rộng 1,1m và dày 0,35m) dựng cao hơn nền phòng đá khoảng 10cm có đầu dưới tạo thành mấu phình rộng đường như

## HÀNG GÒN - KỶ QUAN CỤ THẠCH VIỆT NAM

dùng để lấp vào một "hệ thống móng kỳ lạ". Đầu trên thanh hoa cương tạo thành "võng lưng" giống cái "yên ngựa" dường như để chịu một loại đà thân gỗ tròn đặt ngang qua hầm đá. 10 trụ nhỏ hơn bằng đá gres hoặc ba dane cao khoảng 2,5 - 3m, được đặt ngay trên đất, không cần "để chống lún" cao hơn nền phòng đá khoảng 60cm, cũng có "rãnh yên ngựa" ở đầu, chế tác kỳ công với mặt cắt ngang thân hình bầu dục.



Với hầm đá Cự thạch ở giữa, tác giả xác định dứt khoát tính cách giống với những loại hình mộ cổ trên thế giới được gọi là "Thạch bằng" (Dolmen). "Dolmen Xuân Lộc" có hình hộp chữ

nhật, ghép kín bởi 6 tấm đan hoa cương đảm bảo cho sự an toàn của một hay nhiều thi hài và kho tàng chứa bên trong. Tấm đan làm nắp lớn (kích thước 4,2x2,7m, dày 0,3m), dựa vào tỷ trọng đá hoa cương có thể tới 7 tấn.

J. Bouchot cho rằng giả thiết về các hàng trụ cột xung quanh hầm đá là một *hệ thống dùng cho việc xê dịch hay nâng hạ phiến đan trên nắp mộ* được dễ dàng hơn là sai lầm vì các trụ cột và hầm đá *không cùng kiến tạo trong một thời kỳ lịch sử*. Có lẽ là vào thời kỳ đầu, người xưa kiến thiết riêng Dolmen và phụ kiện granite kèm theo, đây là loại vật liệu mà người thợ đá cổ phải khai thác ở rất xa Xuân Lộc, mà các mỏ đá thích hợp nhất chỉ có ở Nam Tây Nguyên (cách Đà Lạt khoảng 6km) hay miền Trung Việt Nam. Ở các mỏ đá này, người cổ có thể dễ dàng khai thác các tấm đan lớn và rộng (5-6m), dày 25-40cm, khi chuyển vận về Xuân Lộc, họ chỉ cần gia công ghè đẽo cho chúng thành hình chữ nhật, đục mài các đường "mương rãnh mộng" để lắp thành hình hộp chữ nhật.

Sau "thời kỳ hoa cương", người ta tiếp tục chế tạo và lắp dựng thêm các trụ sa thạch theo "các hàng dài" cao hơn mặt đất của nền hầm mộ khoảng 60cm. Đây là loại vật liệu mà người cổ có thể dễ dàng tìm kiếm ngay trong các mỏ lộ thiên kế cận di tích, nhưng trình độ kỹ thuật chế tác điêu luyện tinh xảo hơn. Những thanh đá grès hoặc ba dan ở thời kỳ muộn hơn có tính chất trang hoàng phụ tô thêm cho Dolmen.

Tác giả tin rằng đây chính là một công trình tượng đài Cự thạch thuộc thời kỳ "Văn minh Đá mới" trong bậc thang địa chất "Đá mới hiện tại" do Sir Gabriel de Mortillet đặt tên là "Robenbausien". Sự đóng kín hầm mộ Cự thạch Xuân Lộc do các nhà xây dựng Tiền sử quan tâm đến "sự bảo mật" giống như "bí truyền" thường thấy ở nhiều dân tộc vùng Thái Bình Dương. Tác giả cố gắng tìm kiếm các đặc điểm tương tự Dolmen Hàng Gòn ở vùng Caucase, Bắc Miến Điện (Haute Birmanie), Assam, Bắc Trung Hoa... - theo quan sát

của học giả Victor Goloubew; ở Java - theo Dr. Van Stein Callenfels; ở Changkat Mentri (Sungkai, Nam Perak) theo thông báo của các học giả thuộc Bảo tàng Straits Settlements (Mã Lai), các dạng mộ "Tumulus" ở Nagasaki, Kyushiu "là mộ phần của những nhân vật quan trọng liên hệ với thời kỳ sơ khởi của Lịch sử" - theo các linh mục Abbé de la Trappe và Martin... Ông còn liên hệ cả các chi tiết kiến trúc Dolmen Xuân Lộc như các "rầm chia" hoặc "rãnh kiểu yên ngựa" của các trụ chính với các cấu kiện tương tự trong các di tích Cự thạch giống mộ phòng "tombeaux", "chamber de Pierre", hoặc đền thờ "Sanctuaire" ở Transjordanie (Palestine) qua tư liệu của Lubbock, Alfred Bertholet, Mader, Evans... và tin rằng Dolmen Hàng Gòn - Xuân Lộc còn có quan hệ với họ hàng Dolmen ở Viễn Đông và là "Đại diện cho Gia đình Dolmen châu Á".

Khi ghi nhận sức lao động phi thường của người nguyên thủy bản địa đã khai thác, chuyển vận đường trường và xây dựng nên Dolmen Xuân Lộc với những cấu kiện kiến trúc mà ngay cả ở Đền Angkor cũng không thấy có những tảng đá nặng nề đến như vậy, tác giả vững tin đây là hầm mộ Cự thạch dành riêng cho "Thủ lĩnh" (Tombe de Chef); và gợi ý cho công cuộc lần tìm hậu duệ của những người sáng tạo hầm mộ kỳ lạ xưa trên đất Tây Nguyên, bởi: "Một dân tộc không bao giờ diệt vong hoàn toàn" (Renan). Theo J. Bouchot, sự phối trí các hàng trụ cột quanh mộ Cự thạch Xuân Lộc giống đến lạ lùng với cấu trúc nhà mồ của "những người giàu có" (riches) hoặc các "thủ lĩnh" (chefs) trong các nghĩa địa Gia Rai ở Plai Rlung (Dak Lak) minh họa cho tác phẩm "Jungles mois" của Henri Maitre. Các cấu kiện kiến trúc cơ bản cho phép thừa nhận hoặc liên tưởng rằng người Gia Rai đã bảo tồn một cách cẩn trọng và cải tiến những nghi thức mai táng đặc thù vốn có từ cổ xưa, khởi nguồn từ "Thời đại Xuân Lộc" với ngôi mộ Đá lớn mang các đặc trưng đồng nhất với "Gia đình mộ cổ Dolmen toàn thế giới" như một truyền thống chung hoặc một "phong tục xa xưa của Nhân loại" về Cự thạch [18-1927a-b, 1929] (H2).

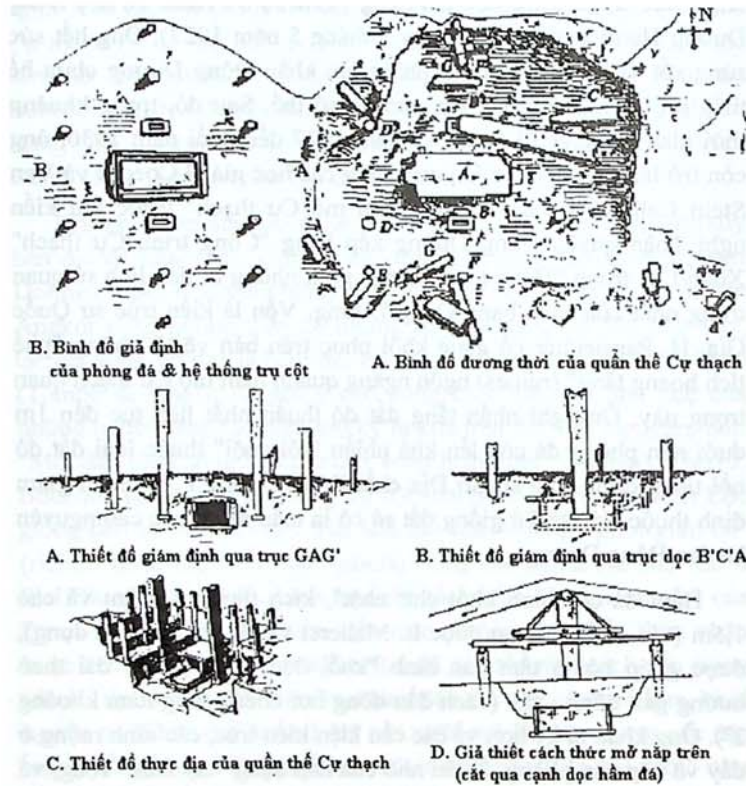
#### **D. CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA HENRI PARMENTIER VÀ HỌC GIẢ NƯỚC NGOÀI**

Sau phát hiện của J. Bouchot, di tích kỳ lạ trong vùng đất đỏ Đông Nam Bộ đã thu hút sự quan tâm nghiên cứu và chiêm ngưỡng của nhiều học giả trên thế giới.

Người đầu tiên đến hiện trường ngay sau khi cuộc khai quật chấm dứt là nhà khoa học nổi tiếng - Chủ sự Sở Khảo cổ học Đông Dương Henri Parmentier (ngày 3 tháng 5 năm 1927). Ông hết sức sửng sốt vì hơn ba thập kỷ phiêu lưu khắp Đông Dương chưa hề thấy một công trình Đá lớn nào đồ sộ thế. Sau đó, trong khoảng thời gian từ ngày 13 tháng 12 năm 1927 đến cuối năm 1930, ông còn trở lại đây thêm ba lần nữa cùng các học giả G.Coedès và Van Stein Callenfels thăm viếng "Hầm mộ Cự thạch" trước khi kiến nghị Toàn quyền Đông Dương xếp hạng "Công trình Cự thạch" Xuân Lộc trong "Danh mục chung" gồm những di tích lịch sử quan trọng nhất của Liên bang Đông Dương. Vốn là kiến trúc sư Quốc Gia, H. Parmentier cố gắng khôi phục trên bản vẽ từ những "phế tích hoang tàn" (ruines) ngồn ngộn quanh hầm mộ Cự thạch quan trọng này. Ông ghi nhận tầng đất đỏ thuần nhất liên tục đến 1m dưới nền phòng đá còn lẫn khá nhiều "sỏi cuội" thuộc loại đất đỏ nổi tiếng được Chủ sự Sở Địa chất Đông Dương F. Blondel giám định thuộc Kỳ Đệ Tứ giống đất sô cô la màu mỡ ở các cao nguyên ba dan Đông Dương.

Hầm đá có "hình khối chữ nhật", kích thước 4,5x2m và cao 1,5m (các số đo về sau được L. Malleret và H. Fontaine sử dụng), được ghép bởi 6 tấm đan hình "khối độc thạch", nằm dài theo hướng gần đông - tây (vách đầu đông hơi chếch sang nam khoảng 2°). Ông khảo tả kỹ hơn về các cấu kiện kiến trúc, các rãnh mộng ở đáy và nắp căn phòng, 2 đầu nhỏ của nắp dạng "tay nắm" rộng, về chất liệu hoa cương trắng và vị trí các cột trụ sa thạch chính, các miếng đế lót chống lún trong đất đỏ xốp, các mấu nhỏ và "rãnh yên

ngựa" ở từng cột trụ .v.v... Ông ký hiệu gần đủ các cặp trụ dựng (BB', CC', DD', EE', FF'), ghi nhận vị trí tại chỗ hoặc các mảnh vỡ gom ở bờ hồ phía đông, cung cấp cho chúng ta "cái nhìn tương đối" về bình đồ và thiết đồ di tích (H3), nhưng hết sức quý giá mà cho đến tận ngày nay còn được nhiều người đánh giá là "với cơ sở khoa học của nó, các bản vẽ có được sự thuyết phục cao và đáng tin cậy" [44-1993].



H3. Phục chế mặt bằng và mặt cắt Hàng Gòn I (7A)

(Parmentier, H. 1929)

Theo H. Parmentier [158-1929], công trình Cự thạch Xuân Lộc (Nam Kỳ) là "những dấu hiệu khác thường độc nhất vô nhị ở Đông Dương thời bấy giờ". Ông so sánh những trụ đá Hàng Gòn với loại hình trụ tìm thấy ở Châu Đại Dương, nhưng vì cuộc khai quật của J. Bouchot "không tìm được gì" đáng được coi là "Di chỉ" ngoại trừ những bình đất khô nung thấp chứng tỏ sự cổ kính, nên khó có thể xếp hầm mộ Hàng Gòn cùng thời đại với Menhir hay Dolmen trên thế giới có chôn kèm theo "các công cụ đá mài nhẵn".

Về chức năng của Quần thể Cự thạch Xuân Lộc, căn hầm chìm xuống đất không thể vào được, gợi cho tác giả ấn tượng công trình giống như một "Hầm mộ" (Tumulus) chôn dưới gò đất với ít nhất một "ngõ" dẫn đến sát đầu hầm - tương tự các công trình "Mộ táng Thủ lĩnh" hoặc "Nấm mồ chung" chứa những thi hài của "các vị quan" hay "binh sĩ" mà "thi thể" của họ được bó và chôn chung sẽ bị tiêu nhanh cả thịt lẫn xương do đặc tính chứa chất *phosphore* (P) của đất đỏ Xuân Lộc. Theo tác giả, căn hầm giống như "một tiền sảnh thực sự của sự bất tử", với "tấm đan lợp nắp trần" thấp có 2 đầu lồi ra như dạng "vành tai" có thể buộc dây để xê dịch mỗi khi cần mai táng lần lượt các thủ lĩnh hay binh sĩ đã chết.

Việc vận chuyển nắp đan trần hầm mộ được tác giả hình dung khá đơn giản: Sau khi cào hết lớp đất đỏ phủ trên nắp hầm, người tiền sử xưa có thể đặt một khúc cây dưới mỗi "chỗ khuyết" ở đầu tấm đan, lồng dây qua hệ thống đà gỗ thân tròn gác ngang các cặp trụ đá theo các "bậc" và huy động hai nhóm người chậm chậm kéo nắp đan theo hai chiều đối nghịch nhau và giữ cho nắp đá ổn định trên hệ thống cây tròn gác ngang các cặp trụ đá CC', DD', EE' ở đầu hầm trong "suốt thời gian hành lễ". Chính cấu trúc hình thù như vậy gợi ý về nghề mộc nguyên thủy và cách thức sử dụng gỗ rất thông dụng của cư dân sơ cước thời bấy giờ. Đặc biệt, hình dạng các cột trụ cao lớn vững chắc BB' chứng tỏ sự thiện nghệ của người thợ mộc cổ trong truyền thống kiến dựng cấu trúc sườn nhà

thời nguyên thủy và cùng với nhiều cặp trụ đá cũng gợi mở khả năng "phòng mộ có thể được đóng mở nhiều lần" trong tiền sử.

Theo H. Parmentier, đây là sự phối trí lạ lùng chưa từng thấy trong các công trình kiến trúc cổ khác ở Đông Dương nên cần khảo sát nghiên cứu và so sánh thêm trên toàn vùng đất đỏ Xuân Lộc - Long Khánh và ở các vùng khác nữa. Ví như, trong cương vực Đồn điền Suzannah mà chính bản thân J. Bouchot đã ghi nhận có "một hang đá mang những họa đồ tiền sử", ở Võ Đất (Long Thành), giữa sông Là Ngà trong rừng rậm có nhiều đá hoa cương lộ thiên và dường như còn vết tích một đường hầm đá. Ngoài ra, còn cần so sánh với những tấm đan lớn cắm thẳng xuống đất trong "công trình đá ghép vây quanh" giống hầm đá có bình đồ hình chữ nhật ở Đồng Phổ gần Sa Huỳnh (Quảng Ngãi); những tấm đan dài mỏng thô nhưng công dụng khó hiểu và không rõ xuất xứ còn lưu tồn trong Bảo tàng Phnom Penh (Campuchia); những mộ chum đá lớn trên cao nguyên Trấn Ninh (Lào) và những "Công trình Cụ thạch" với các cây cột chống có kiểu dáng tương tự trụ đá lớn Hàng Gòn ở Châu Đại Dương theo công bố của F.Benoit [13-1912].

Sau các công trình nghiên cứu của J. Bouchot và H. Parmentier, nhiều học giả nước ngoài đã viếng thăm "Lăng mộ Cụ thạch Xuân Lộc" như Giám đốc Trường Viễn Đông Bác Cổ G.Coedès cùng viên thanh tra ủy viên thường trực Hội Khảo cổ học Jean-Yves Claeys, Dr Van Stein Callenfels (1930-1931), O. Jansé (1934), L. Malleret, Paul Lévy, L. Bezacier (1937, 1943), E. Saurin (1963) và H. Fontaine (1972) và cũng phát hiện thêm nhiều di tích văn hóa cổ xung quanh hầm mộ đá lớn.

Học giả nước ngoài đầu tiên coi hầm mộ là công trình Cụ thạch đích thực của cộng đồng người cổ bản địa thời Kim khí là E. Saurin, khi ông liên hệ hầm mộ Cụ thạch với quần thể di tích tiền sử do ông khám phá và đặt tên ở chính Đồn điền Hàng Gòn này (các địa điểm Hàng Gòn mang số 1-5, 8-10); đặc biệt, với khu mộ